

Áp dụng mô hình Lớp học đảo ngược trong giảng dạy Kỹ năng đọc hiểu bài khóa tiếng Nga cho học viên Dự khóa nước ngoài tại Học viện Kỹ thuật quân sự

Nguyễn Thị Lý

Học viện Kỹ thuật Quân sự

Received: 4/4/2024; Accepted: 9/4/2024; Published: 17/4/2024

Abstract: The article focuses on analyzing the effectiveness of implementing the flipped classroom model in teaching reading comprehension skills in Russian courses for students of foreign courses at the Military Technical Academy using the theoretical research method, combined with the survey method using a set of questions and analyzing the results of learning reading comprehension skills of students of the 57th and 58th courses at the Academy. Research results show that applying the flipped classroom model in teaching reading comprehension skills in Russian courses is appropriate, contributing to improving learning outcomes in a positive direction. Based on practical application experience, the author provides some recommendations and proposals to help teachers effectively organize teaching and learning activities of reading comprehension skills in Russian lessons when applying the flipped classroom model.

Keywords: Active teaching method, flipped classroom, reading comprehension skills, text in Russian language, video lectures

1. Đặt vấn đề

Day học theo mô hình Lớp học đảo ngược (LHĐN), hay còn gọi là “Flipped Classroom” là một trong những phương pháp (PP) dạy học tích cực, có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin (CNTT) và đáp ứng được các yêu cầu nâng cao năng lực nhận thức, độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề của người học. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của việc ứng dụng mô hình này, đặc biệt trong giảng dạy ngoại ngữ, khi so sánh với PP giảng dạy truyền thống.

Thuật ngữ LHĐN được Aaron Sams sử dụng lần đầu tiên tại trường trung học Woodland Park, Colorado vào năm 2007. Đến 2015, ông cùng Jonathan Bergman tiếp tục nghiên cứu mô hình LHĐN và khẳng định việc sử dụng mô hình LHĐN sẽ giúp sinh viên (SV) học bất kì thời gian nào và bất kì ở đâu nếu HS có máy tính kết nối mạng Internet.

Tác giả Đỗ Tùng và Hoàng Công Kiên (2020) đưa ra khái niệm “LHĐN là PP dạy học theo mô hình kết hợp, “đảo ngược” quá trình dạy học so với mô hình dạy học truyền thống. Trong PP này, sự “đảo ngược” được hiểu là sự thay đổi chiến lược sư phạm thể hiện ở cách triển khai các nội dung, mục tiêu dạy học và các hoạt động dạy học khác với mô hình giảng dạy truyền thống”.

Nguyễn Chính (2016) đã khẳng định rằng mô hình LHĐN là một mô hình dạy học kết hợp. Mô hình này tận dụng ưu điểm của CNTT và khắc phục nhược điểm của PP truyền thống bằng cách thay đổi, “đảo

ngược” quá trình dạy học.

Nói cách khác, sự “đảo ngược” trong mô hình dạy học này thể hiện ở việc thay đổi trình tự, cách thức triển khai nội dung, mục tiêu và hoạt động dạy học so với PP truyền thống.

Theo tác giả Chung Kwan Lo and Khe Foon Hew (2017), “Đảo ngược” được hiểu trong sự so sánh với hình thức giảng dạy truyền thống, nội dung kiến thức sẽ được học ở nhà và bài tập về nhà sẽ được thực hiện trong lớp học.

Theo Nguyễn Thị Thúy Nga (2023), mô hình LHĐN là cách giảng dạy mới, trong đó SV nhận tài liệu học trước khi đến lớp thông qua hệ thống trực tuyến như E-Learning, LMS hoặc MS TEAM. Nhờ đó, SV học ở cả hai không gian (lớp học thực và lớp học ảo), giúp tăng thời gian và tối ưu hóa việc học và dạy. Công nghệ giúp SV tiếp cận tài liệu bất kỳ lúc nào, với nhiều loại tài liệu như giáo trình, bài giảng, video, và bài tập được lưu trữ trên hệ thống quản lý học tập (LMS). HV tự học và tự đánh giá trình độ trước khi đến lớp, với sự hỗ trợ của hệ thống.

Có thể thấy, điểm chung của các quan điểm nêu trên về mô hình LHĐN là một quá trình dạy và học mà ở đó quy trình dạy và quy trình học được hoán đổi trình tự cho nhau. Ở mô hình LHĐN hoạt động nghe giảng được thực hiện tại nhà, hoạt động thực hành, thảo luận được thực hiện ở trên lớp. Mô hình LHĐN đòi hỏi người học cần có tính tư duy cao, tính chủ động linh hoạt và thực hành kiến thức mới nhiều hơn so với mô hình lớp học truyền thống.

Môn Tiếng Nga giảng dạy cho học viên (HV) Dự khóa nước ngoài tại HVKTQS được chia thành các học phần theo 4 KN: Nghe – Nói – Đọc – Viết. Trong đó, KN đọc hiểu là một trong những dạng KN giao tiếp tiếp nhận, cần hình thành và rèn luyện cho người học ngay từ những giai đoạn đầu. Qua khảo sát ý kiến HV, có đến 63% ý kiến cho rằng các giờ học KN đọc hiểu bài khóa tiếng Nga thường có tính thiếu hấp dẫn, chưa đổi mới về PP dạy học. Các GV chủ yếu sử dụng PP dạy học truyền thống như: giới thiệu từ mới, cấu trúc ngữ pháp, PP dạy đọc – dịch, đọc trả lời câu hỏi, PP vấn đáp ... Thực tế giảng dạy cho thấy, việc sử dụng các PP này trong dạy học KN đọc bài khóa chưa mang lại hiệu quả mong muốn. Do đó, việc áp dụng mô hình LHĐN tại HVKTQS là cấp thiết và hoàn toàn có thể triển khai nhờ có mạng Internet và phần mềm Google Classroom để tạo môi trường giao tiếp ảo giữa GV và HV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả lựa chọn PP nghiên cứu định lượng dựa trên bộ câu hỏi khảo sát đối với 100 HV khóa 57, 58 và phân tích kết quả đánh giá KN đọc hiểu của HV trước (năm học 2021-2022) và sau thực nghiệm (năm học 2022-2023). Bộ câu hỏi khảo sát gồm 15 câu hỏi chia thành 3 vấn đề lớn, đó là: tự đánh giá năng lực thực hành KN đọc hiểu văn bản tiếng Nga của HV (4 câu hỏi); cảm nhận và đánh giá của HV về ưu, nhược điểm của mô hình LHĐN khi áp dụng đối với việc học KN đọc hiểu tiếng Nga (7 câu hỏi); một số đề xuất từ góc độ người học đối với PP giảng dạy của GV khi ứng dụng mô hình này (4 câu hỏi).

2.2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Kết quả thu được từ khảo sát ý kiến HV về việc tự đánh giá năng lực thực hành KN đọc hiểu văn bản tiếng Nga được thể hiện theo tỷ lệ %, cụ thể là: Có

84% số HV gặp một số khó khăn khi học KN đọc hiểu tiếng Nga. Những khó khăn này tập trung chủ yếu ở rào cản về nghĩa từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Ý kiến của SV sau khi tham gia học KN đọc hiểu theo mô hình LHĐN thì kết quả cho thấy những khó khăn về từ vựng và ngữ pháp đã được giảm đi, tuy nhiên SV có ý kiến khác rằng việc học KN đọc hiểu theo mô hình LHĐN cũng gặp phải khó khăn do một số giải thích trong video được gửi trước còn chưa rõ ràng, HV không thể hỏi và được giải đáp thắc mắc ngay tức thì như với PP giảng dạy truyền thống; đôi lúc SV còn khó tập trung nghe giảng, thiếu tính tự giác và chủ động trong việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.

Bảng 2.1. Những khó khăn khi học KN đọc hiểu tiếng Nga (trước và sau thực nghiệm)

TT	Những khó khăn khi học kỹ năng đọc hiểu	Tỷ lệ (%)	
		Trước	Sau
1	Khó khăn về ngữ pháp	72	57
2	Khó khăn về từ vựng	68	58
3	Không có nhiều thời gian luyện tập	36	35
4	Ý kiến khác	2	5

Khi được hỏi về mức độ hứng thú khi học theo mô hình LHĐN thì phần lớn HV cảm thấy hứng thú hơn so với học theo PP dạy học truyền thống.

Kết quả đánh giá KN đọc hiểu sau thực nghiệm đã có tiến bộ hơn về điểm số khi học bằng mô hình LHĐN so với trước thực nghiệm.

Theo quan điểm tiếp cận về việc lấy người học làm trung tâm kết hợp với điều kiện dạy học thực tế tại HVKTQS, tác giả đề xuất quy trình tổ chức dạy học theo mô hình LHĐN (với sự hỗ trợ của Google Classroom) được chia thành 3 giai đoạn chính gồm giai đoạn chuẩn bị, thực hành và củng cố:

Bảng 2.2. Các giai đoạn tổ chức dạy học theo mô hình LHĐN

	GV	HV
Giai đoạn chuẩn bị (thực hiện ở nhà)	<ul style="list-style-type: none"> Phương tiện giảng dạy: Máy tính, mạng Internet, Hệ thống Google Classroom; Đề cương học phần, bài học, giáo trình, TLTk, tranh ảnh minh họa v.v. Hoạt động giảng dạy: Thiết kế bài giảng, xây dựng kịch bản video, ghi hình bài giảng, chia sẻ tài nguyên học liệu, giao nhiệm vụ cho người học. 	<ul style="list-style-type: none"> Phương tiện học tập: Máy tính cá nhân, máy tính bảng, điện thoại thông minh, mạng Internet; Bài giảng video, giáo trình, tài liệu tham khảo. Hoạt động học tập: Xem video, nghiên cứu tài liệu, hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao.
Giai đoạn thực hành (thực hiện ở trên lớp)	<ul style="list-style-type: none"> Phương tiện giảng dạy: máy tính, máy chiếu (nếu cần), bảng, phấn, các thiết bị phân cứng hỗ trợ khác. Hoạt động giảng dạy: tổ chức, chủ trì hoạt động thảo luận của người học; kết luận lại các vấn đề kiến thức chính của giờ học; đặt câu hỏi, giao bài tập thực hành, kiểm tra kiến thức đã lĩnh hội từ video bài giảng và giải đáp các thắc mắc của người học (nếu có) 	<ul style="list-style-type: none"> Phương tiện học tập: giáo trình, tài liệu tham khảo, vở ghi, bút, giấy và các vật dụng học tập khác. Hoạt động học tập: Tham gia trao đổi, thảo luận theo yêu cầu của GV; ghi chép các vấn đề kiến thức được GV kết luận; trả lời câu hỏi kiểm tra kiến thức của GV; thực hành, hoàn thành các bài tập GV giao trên lớp; đưa ra câu hỏi thắc mắc cho GV (nếu có).
Giai đoạn củng cố	<ul style="list-style-type: none"> Phương tiện giảng dạy: Máy tính, mạng Internet, Hệ thống Google Classroom; hệ thống bài tập tự học, củng cố kiến thức Hoạt động giảng dạy: giao bài tập tự học cho người học tự học trên hệ thống Google Classroom; kiểm tra lượt nộp bài, trả bài, chữa bài; trả lời, giải đáp các câu hỏi từ người học (nếu có) 	<ul style="list-style-type: none"> Phương tiện học tập: Máy tính cá nhân, mạng Internet; Hệ thống Google Classroom; hệ thống bài tập tự học, củng cố kiến thức Hoạt động học tập: nhận và làm bài tập về nhà trên Google Classroom; nộp bài cho GV; nhận kết quả điểm, xem đánh giá, góp ý của GV (nếu có); tương tác, đặt câu hỏi cho GV nếu vẫn chưa rõ.

Để áp dụng hiệu quả mô hình LHDN trong dạy học KN đọc hiểu bài khóa tiếng Nga, tác giả đề xuất, khuyến nghị đối với GV một số biện pháp tổ chức dạy học cho HV Dự khóa nước ngoài tại HVKTQS như sau:

Giai đoạn chuẩn bị:

Việc thiết kế video bài giảng có ý nghĩa quan trọng, quyết định tới việc HV có thích thú, tập trung theo dõi bài giảng và dễ dàng lĩnh hội kiến thức hay không. Nghiên cứu về não bộ trong PP Pomodoro của Francesco Cirillo phát kiến từ những năm 1980 chỉ ra rằng não chúng ta chỉ có khả năng chú tâm suy nghĩ trong một thời gian rất ngắn, chừng 10 phút, sau đó là sẽ đến giai đoạn mất tập trung. Do vậy thời lượng đề người học dễ dàng tiếp thu mỗi một đơn vị kiến thức khi học lý thuyết cũng chỉ nên thiết kế từ 8 đến 10 phút trong mỗi video bài giảng. Nếu một giờ học có nhiều đơn vị kiến thức, GV có thể dựng thành nhiều video để đảm bảo mỗi video có thời lượng không quá 10 phút. Video bài giảng được chia thành ba phần: mở đầu, nội dung chính, kết thúc.

Phần mở đầu (thời lượng từ 1-2 phút): GV giới thiệu khái quát chung về cấu trúc và nội dung kiến thức của giờ học; gợi mở các vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức của bài.

Phần nội dung chính (thời lượng từ 4-5 phút): Giới thiệu nội dung kiến thức gồm các khái niệm, các hiện tượng từ vựng, ngữ pháp; lấy ví dụ minh họa và thiết kế bài tập thực hành có kèm theo hình ảnh, ảnh động hoặc video minh họa.

Phần kết thúc (thời lượng 2-3 phút): tóm lược lại kiến thức trọng tâm của giờ học theo hình thức sơ đồ, bảng biểu hoặc sử dụng các từ, cụm từ khóa có khả năng nhấn mạnh và khái quát nội dung.

GV có thể sử dụng phần mềm Powerpoint hoặc Ispring để chuyển tải nội dung thành video. Sau khi hoàn chỉnh video, GV gửi cho HV xem, hoàn thành nhiệm vụ học tập ở nhà trước khi học trên lớp với sự hỗ trợ của phần mềm Google Classroom.

Giai đoạn thực hành:

Trên lớp, GV chủ trì tổ chức hoạt động thảo luận các nội dung bài học, HV tham gia thảo luận với nhau và với GV. GV có thể sử dụng bài tập tình huống để phát triển KN tư duy cho HV. Ngoài ra, việc sử dụng trò chơi để tổ chức lớp học với mục đích tạo không khí vui vẻ, hứng thú, tạo sự chú ý cho HV trong học tập. Việc sử dụng trò chơi thường được sử dụng trong đầu giờ, xen kẽ các nội dung giữa giờ hoặc ở cuối giờ. Một số trò chơi thông dụng như: Игра Кима (Ghi và nhớ lại), Сетевая игра (Mạng lưới), Игра в угадайку (Phỏng đoán), Виселица (Giá treo), Кроссворд (Ô

chữ) Thông qua trò chơi, HV nắm được kiến thức bài học, tạo sự tương tác giữa GV và HV, nâng cao năng lực ngôn ngữ, rèn luyện làm việc nhóm.

3. Kết luận

Áp dụng mô hình LHDN vào việc dạy KN đọc cho HV Dự khóa nước ngoài tại HVKTQS cho thấy tuy mô hình này mang lại cho GV và HV một số khó khăn nhất định như: GV cần đầu tư thời gian, trang thiết bị dạy học, chuẩn bị kịch bản thảo luận ..., HV chưa quen với PP học tập mới, thiếu sự tập trung khi tự học, thiếu tinh thần tự giác, nhưng những lợi ích mà nó mang lại cũng rất đáng để quan tâm. Ứng dụng mô hình LHDN vào dạy học nói chung và ở dạy học KN đọc hiểu nói riêng sẽ giúp HV học tập linh hoạt, tăng sự hứng thú học tập đối với KN giao tiếp này hơn; phát triển được năng lực đọc hiểu và cải thiện kết quả học tập đối với KN đọc hiểu tiếng Nga. Ngoài ra, áp dụng mô hình dạy học này, GV không chỉ trang bị kiến thức, củng cố thực hành KN ngôn ngữ cho HV, mà còn trang bị cả KN mềm khác như khả năng ứng dụng CNTT, sử dụng thành thạo linh hoạt các ứng dụng hỗ trợ học tập, KN quản lý, sắp xếp thời gian, KN tương tác, giao tiếp thực, giao tiếp ảo với GV. Chúng tôi tin rằng, việc ứng dụng mô hình LHDN trong giảng dạy ngoại ngữ là hoàn toàn phù hợp với việc dạy và học các KN giao tiếp khác như nghe, nói và viết. Tuy nhiên để khắc phục những hạn chế của mô hình này, cần chỉ ra được những cách thức, quy trình áp dụng riêng đối với từng KN giao tiếp được giảng dạy và với từng đối tượng người học khác nhau.

Tài liệu tham khảo

1. Jonathan Bergmann (Author), Aaron Sams, (April 3, 2015), *Flipped Learning: Gateway to Student Engagement* Kindle Edition, Publisher: International Society for Technology in Education
2. Đỗ Tùng, Hoàng Công Kiên, (2020), *Áp dụng mô hình LHDN trong dạy học trực tuyến tại Trường Đại học Hùng Vương*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ. Hà Nội
3. Nguyễn Chính, (2016), *Dạy học theo mô hình Flipped Classroom*. Báo Tia Sáng - Bộ Khoa học và Công nghệ, số ra ngày 4/4/2016. Hà Nội
4. Chung Kwan Lo and Khe Foon Hew, (2017), Using “first principles of instruction” to design secondary school mathematics flipped classroom: The findings of two exploratory studies. *Journal of Educational Technology & Society* 20(1), pp. 222-236
5. Diane B Marks, (2015), *Flipping the classroom: Turning an instructional methods course upside down*, *Journal of College Teaching & Learning* 12(4), pp. 241- 248